TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 419/2023/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 28 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 597/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị Thanh T - sinh năm 1987
Trú tại: lô HHA khu biệt thự A - phường T - thành phố N - Khánh Hòa.

- Bị đơn: ông Trần Ngọc T1 - sinh năm 1988;
Trú tại: 349 tổ 5 H - phường V - thành phố N - Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Ngọc T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: bà T và ông T1 có một con chung Trần Hải N (sinh ngày 21/3/2022).

Sau khi ly hôn, bà T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Hải N đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là tháng 7/2023.

Ông T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T, ông T1 đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: không có.

- Về án phí: bà Trần Thị Thanh T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (Trong đó có 75.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, bà T nộp thay cho ông T1) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011824 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mai Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố N;
- Các đương sự;
- UBND phường V - thành phố N - Khánh Hòa (giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 06/9/2022);
- Lưu hồ sơ.